

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6:

PLAN YOUR NEXT VACATION

Dreaming of a perfect vacation? Look no further! Our travel agency offers (1) customizable vacation packages tailored to your needs. Whether you want to relax on a tropical beach, (2) exploring ancient ruins, or experience a bustling city, we have the perfect trip for you. Our packages include flights, accommodation, and guided tours to make sure you have an unforgettable experience. With our easy booking system, you can plan your dream vacation in just a few clicks. Don't miss (3) out, start planning today and (4) get exclusive deals on top destinations. Vacations have never been (5) easier! Book now and (6) explore the world with us.

Question 1: A. customizable B. customizes C. customize D. customizing

Question 2: A. learning B. exploring C. seeing D. going

Question 3: A. with B. at C. in D. out

Question 4: A. recharge B. get C. sell D. lose

Question 5: A. easier B. easy C. the easiest D. most easy

Question 6: A. experience B. begin C. explore D. know

Đọc quảng cáo sau đây và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra lựa chọn phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 1 đến 6:

LÊN KẾ HOẠCH CHO KỶ NGHỈ TIẾP THEO CỦA BẠN

Bạn đang mơ về một kỳ nghỉ hoàn hảo? Không cần tìm đâu xa! Công ty lữ hành của chúng tôi cung cấp (1) các gói kỳ nghỉ tuyệt vời phù hợp với nhu cầu của bạn. Cho dù bạn muốn thư giãn trên một bãi biển nhiệt đới, (2) khám phá tàn tích cổ đại hay trải nghiệm một thành phố nhộn nhịp, chúng tôi đều có chuyến đi hoàn hảo dành cho bạn. Các gói của chúng tôi bao gồm các chuyến bay, chỗ ở và các tour du lịch có hướng dẫn để đảm bảo bạn có một trải nghiệm khó quên. Với hệ thống đặt phòng dễ dàng của chúng tôi, bạn có thể lên kế hoạch cho kỳ nghỉ trong mơ của mình chỉ bằng vài cú nhấp chuột. Đừng bỏ lỡ (3) ra, hãy bắt đầu lên kế hoạch ngay hôm nay và (4) nhận ưu đãi độc quyền tại các điểm đến hàng đầu. Kỳ nghỉ chưa bao giờ (5) dễ dàng hơn! Đặt ngay và (6) khám phá thế giới cùng chúng tôi.

Câu hỏi 1: A. có thể tùy chỉnh B. tùy chỉnh C. tùy chỉnh D. tùy chỉnh

Câu hỏi 2: A. học tập B. khám phá C. nhìn thấy D. đi

Câu hỏi 3: A. với B. tại C. trong D. ra

Câu hỏi 4: A. nạp tiền B. có được C. bán D. mất

Câu hỏi 5: A. dễ hơn B. dễ C. dễ nhất D. dễ nhất

Câu hỏi 6: A. trải nghiệm B. bắt đầu C. khám phá D. biết

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Improving Focus and Concentration

Want to sharpen your focus and be more productive? These strategies can help you stay on track.

Challenges: It's estimated that 60% of people (7) struggle with distractions during the day, which affects their ability to concentrate on important tasks.

Proven Techniques:

- Limit distractions! Turn off notifications and (8) **create** a quiet space to work in.
- Break tasks into smaller parts! This method helps maintain (9) **strong** focus and prevents burnout.
- Take regular breaks! (10) **Rather than** working non-stop for hours, allow yourself short breaks to recharge and (11) **refresh** your mental energy.
- Get enough sleep! A well-rested mind is better able to focus and handle daily (12) **tasks**.

Question 7: A. agree B. fight **C. struggle** D. manage

Question 8: A. explore **B. create** C. organize D. provide

Question 9: A. weak B. distracted C. minimal **D. strong**

Question 10: A. Together with **B. Rather than** C. While D. On
account of

Question 11: **A. refresh** B. reduce C. drain D. control

Question 12: A. meals B. breaks **C. tasks** D. News

Đọc tờ rơi sau và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 7 đến 12.

Cải thiện sự tập trung và chú ý

Bạn muốn tập trung hơn và làm việc hiệu quả hơn? Những chiến lược này có thể giúp bạn đi đúng hướng.

Thách thức: Người ta ước tính rằng 60% mọi người (7) **phải vật lộn** với những thứ gây mất tập trung trong ngày, điều này ảnh hưởng đến khả năng tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng.

Kỹ thuật đã được chứng minh:

- Hạn chế sự xao nhãng! Tắt thông báo và (8) **tạo** một không gian yên tĩnh để làm việc.
- Chia nhỏ nhiệm vụ thành nhiều phần nhỏ hơn! Phương pháp này giúp duy trì (9) sự tập trung **mạnh mẽ** và ngăn ngừa kiệt sức.
- Nghỉ giải lao thường xuyên! (10) **Thay vì** làm việc liên tục trong nhiều giờ, hãy cho phép bản thân nghỉ giải lao ngắn để nạp lại năng lượng và (11) **làm mới** năng lượng tinh thần của bạn.
- Ngủ đủ giấc! Một tâm trí được nghỉ ngơi đầy đủ có thể tập trung và xử lý tốt hơn (12) **các nhiệm vụ** hàng ngày.

Câu hỏi 7 : A. đồng ý B. chiến đấu **C. đấu tranh** D. quản lý

Câu hỏi 8 : A. khám phá **B. tạo ra** C. tổ chức D. cung cấp

Câu hỏi 9 : A. yếu B. mất tập trung C. tối thiểu **D. mạnh**

Câu hỏi 10 : A. Cùng với **B. Thay vì** C. Trong khi D.

Câu hỏi 11 : **A. làm mới** B. giảm C. thoát nước D. kiểm soát

Câu hỏi 12. A. bữa ăn B. nghỉ ngơi **C. nhiệm vụ** D. tin tức

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13. a. John: Really? I've been meaning to watch it this weekend.

b. John: Hey, Mike! Have you seen the new movie that came out last week?

c. Mike: Hi, John! Yes, I saw it yesterday. It was incredible!

A. a-b-c **B. b-c-a.** C. a-c-b D. b-a-c

- Question 14.** a. Jake: That's awesome! What kind of dishes are you learning?
b. Sarah: I'm starting with simple recipes like pasta and soups.
c. Sarah: I've been learning how to cook recently.
d. Jake: That sounds delicious!
e. Sarah: Yeah, it's been fun experimenting with new ingredients.

A. a-b-c-d-e

B. c-a-b-e-d

C. a-d-c-b-e

D. c-a-b-

d-e.

Question 15. Hi Claire,

- a. It was such a fantastic read!
b. I finished it in just a few days because I couldn't put it down.
c. I just wanted to thank you for recommending that book to me.
d. Hope to chat soon.
e. Let me know if you have any more suggestions like that!

Best,

Laura

A. c-a-b-e-d.

B. a-c-b-d-e

C. a-b-d-c-e

D. C- a-

d-b-e

- Question 16.** a. This simple habit has made a huge difference in how I feel.
b. It's a great way to stay focused and calm throughout the day.
c. Practicing mindfulness has helped me reduce stress.
d. I try to take at least 10 minutes every day to meditate.
e. I highly recommend it to anyone looking to improve their mental well-

being.

A. c-d-b-a-e.

B. b-a-c-d-e

C. a-c-b-d-e

D. c-e-

a-b-d

- Question 17.** a. Many residents have already signed up and started using the service.
b. It's a great step towards making the city greener and more sustainable.
c. The city has launched a new bike-sharing program to reduce traffic congestion.
d. People can now rent bikes from different stations around the city.
e. This initiative aims to promote eco-friendly transportation.

A. d-e a-b-c

B. b-d-e-a-c

C. c-d-a-e-b.

D.

a-b-d-c-e

Đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra cách sắp xếp các phát biểu hoặc câu sao cho tạo thành một cuộc trao đổi hoặc văn bản có ý nghĩa trong mỗi câu hỏi sau từ câu 13 đến câu 17.

- Câu hỏi 13.** a. John: Thật sao? Tôi định xem nó vào cuối tuần này.
b. John: Này, Mike! Bạn đã xem bộ phim mới ra mắt tuần trước chưa?
c. Mike: Chào John! Vâng, tôi đã xem nó ngày hôm qua. Thật không thể tin được!

A. a-b-c

B. b-c-a.

C. a-c-b

D. b-a-c

Câu hỏi 14. a. Jake: Tuyệt quá! Bạn đang học những món ăn nào?

- b. Sarah: Tôi đang bắt đầu với những công thức đơn giản như mì ống và súp.
c. Sarah: Gần đây tôi đang học nấu ăn.
d. Jake: Nghe có vẻ ngon!
e. Sarah: Đúng vậy, thử nghiệm với những nguyên liệu mới rất thú vị.

A. a-b-c-d-e

B. c-a-b-e-d

C. a-d-c-b-e

D. c-a-b-

d-e.

Câu hỏi 15. Xin chào Claire,

- a. Đây thực sự là một cuốn sách tuyệt vời!
- b. Tôi đã đọc xong chỉ trong vài ngày vì tôi không thể đặt nó xuống.
- c. Tôi chỉ muốn cảm ơn bạn vì đã giới thiệu cuốn sách đó cho tôi.
- d. Hy vọng sớm được trò chuyện.
- e. Hãy cho tôi biết nếu bạn có thêm bất kỳ gợi ý nào như thế!

Thân ái, Laura

A. c-a-b-e-d.

B. a-c-b-d-e

C. a-b-d-c-e

D. C- a-

d-b-e

Câu hỏi 16. a. Thói quen đơn giản này đã tạo nên sự khác biệt lớn trong cảm giác của tôi.

- b. Đây là cách tuyệt vời để duy trì sự tập trung và bình tĩnh suốt cả ngày.
- c. Thực hành chánh niệm đã giúp tôi giảm căng thẳng.
- d. Tôi cố gắng dành ít nhất 10 phút mỗi ngày để thiền.
- e. Tôi thực sự khuyên bạn nên thực hành nếu muốn cải thiện sức khỏe tinh thần.

A. c-d-b-a-e.

B. b-a-c-d-e

C. a-c-b-d-e

D. c-e-

a-b-d

Câu hỏi 17. a. Nhiều cư dân đã đăng ký và bắt đầu sử dụng dịch vụ.

b. Đây là bước tiến lớn hướng tới mục tiêu làm cho thành phố xanh hơn và bền vững hơn.

c. Thành phố đã triển khai chương trình chia sẻ xe đạp mới để giảm tắc nghẽn giao thông.

d. Hiện tại, mọi người có thể thuê xe đạp từ nhiều trạm khác nhau trong thành phố. e. Sáng kiến này nhằm mục đích thúc đẩy phương tiện giao thông thân thiện với môi trường.

A. d-e a-b-c

B. b-d-e-a-c

C. c-d-a-e-b.

D.

a-b-d-c-e

Read the following passage about urbanization and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Urbanization, the process of increasing urban population and the expansion of urban areas, is a significant global trend. (18) Many people are moving from rural to urban areas. As more and more people migrate to cities in search of opportunities, urban centers are growing at an unprecedented rate.

Urbanization can bring numerous benefits, such as economic growth, cultural exchange, and access to education and healthcare. (19) Cities can provide a wide range of opportunities for individuals. Cities can serve as hubs of innovation, attracting talented individuals and fostering creativity.

However, rapid urbanization also presents challenges, including overcrowding, pollution, and social inequality. (20) Urbanization can lead to increased economic inequality. Inadequate infrastructure, such as transportation and sanitation systems, can strain urban resources.

To address these challenges, sustainable urban planning is essential. (21) Urban planners should consider the environmental and social impacts of development. By creating green spaces, promoting public transportation, and investing in renewable

energy, cities can reduce their environmental impact and improve the quality of life for their residents.

Ultimately, the success of urbanization depends on our ability to balance economic growth with social and environmental sustainability. (22) **By embracing technology, cities can become more efficient and sustainable**. By adopting sustainable practices and prioritizing the well-being of urban dwellers, we can shape cities that are both vibrant and resilient.

Question 18. A. However, urbanization can also lead to negative consequences.
B. Urbanization is a natural process that has been occurring for centuries.
C. **Many people are moving from rural to urban areas.**
D. Cities are becoming increasingly diverse.

Question 19. A. **Cities can provide a wide range of opportunities for individuals.**
B. Urbanization can lead to social isolation and loneliness.
C. Cities can be overcrowded and stressful.
D. Urbanization can contribute to climate change.

Question 20. A. **Urbanization can lead to increased economic inequality.**
B. Cities are often centers of culture and innovation.
C. Urbanization can improve access to education and healthcare.
D. Urbanization can reduce poverty and inequality.

Question 21. A. Urban planners should prioritize economic growth.
B. Cities should focus on attracting foreign investment.
C. **Urban planners should consider the environmental and social impacts of development.**
D. Cities should promote car ownership to improve mobility.

Question 22. A. **By embracing technology, cities can become more efficient and sustainable.**
B. Cities should focus on attracting businesses and industries.
C. Urbanization is inevitable and should be embraced.
D. Cities should prioritize economic growth over environmental sustainability.

Đọc đoạn văn sau về quá trình đô thị hóa và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời của bạn để chỉ ra phương án phù hợp nhất với mỗi chỗ trống được đánh số từ 18 đến 22.

Đô thị hóa, quá trình gia tăng dân số đô thị và mở rộng các khu vực đô thị, là một xu hướng toàn cầu quan trọng. (18) **Nhiều người đang di chuyển từ vùng nông thôn đến các khu vực đô thị**. Khi ngày càng nhiều người di cư đến các thành phố để tìm kiếm cơ hội, các trung tâm đô thị đang phát triển với tốc độ chưa từng có.

Đô thị hóa có thể mang lại nhiều lợi ích, chẳng hạn như tăng trưởng kinh tế, giao lưu văn hóa và tiếp cận giáo dục và chăm sóc sức khỏe. (19) **Các thành phố có thể cung cấp nhiều cơ hội cho các cá nhân**. Các thành phố có thể đóng vai trò là trung tâm đổi mới, thu hút những cá nhân tài năng và thúc đẩy sự sáng tạo.

Tuy nhiên, quá trình đô thị hóa nhanh chóng cũng đặt ra những thách thức, bao gồm tình trạng quá tải, ô nhiễm và bất bình đẳng xã hội. (20) _____. **Đô thị hóa có thể dẫn đến bất bình đẳng kinh tế gia tăng**. Cơ sở hạ tầng không đầy đủ, chẳng hạn như hệ thống giao thông và vệ sinh, có thể gây căng thẳng cho các nguồn tài nguyên đô thị.

Để giải quyết những thách thức này, quy hoạch đô thị bền vững là điều cần thiết. (21) **Các nhà quy hoạch đô thị nên xem xét các tác động về môi trường và xã hội**

của **phát triển** . Bằng cách tạo ra không gian xanh, thúc đẩy giao thông công cộng và đầu tư vào năng lượng tái tạo, các thành phố có thể giảm tác động đến môi trường và cải thiện chất lượng cuộc sống cho cư dân.

Cuối cùng, sự thành công của quá trình đô thị hóa phụ thuộc vào khả năng cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế với tính bền vững về mặt xã hội và môi trường. (22) **Bằng cách áp dụng công nghệ, các thành phố có thể trở nên hiệu quả và bền vững hơn** . Bằng cách áp dụng các hoạt động bền vững và ưu tiên phúc lợi của cư dân thành thị, chúng ta có thể định hình các thành phố vừa sôi động vừa kiên cường.

Câu hỏi 18. A. Tuy nhiên, đô thị hóa cũng có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực.

B. Đô thị hóa là một quá trình tự nhiên đã diễn ra trong nhiều thế kỷ.

C. Nhiều người đang di chuyển từ vùng nông thôn ra thành thị.

D. Các thành phố ngày càng trở nên đa dạng hơn.

Câu hỏi 19. A. Các thành phố có thể cung cấp nhiều cơ hội cho cá nhân.

B. Đô thị hóa có thể dẫn đến sự cô lập xã hội và cô đơn.

C. Các thành phố có thể quá đông đúc và căng thẳng.

D. Đô thị hóa có thể góp phần gây ra biến đổi khí hậu.

Câu hỏi 20. A. Đô thị hóa có thể dẫn đến gia tăng bất bình đẳng kinh tế.

B. Các thành phố thường là trung tâm văn hóa và đổi mới.

C. Đô thị hóa có thể cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục và chăm sóc sức khỏe.

D. Đô thị hóa có thể giảm nghèo đói và bất bình đẳng.

Câu hỏi 21. A. Các nhà quy hoạch đô thị nên ưu tiên tăng trưởng kinh tế.

B. Các thành phố nên tập trung thu hút đầu tư nước ngoài.

C. Các nhà quy hoạch đô thị nên xem xét các tác động về môi trường và xã hội của phát triển.

D. Các thành phố nên khuyến khích sở hữu ô tô để cải thiện khả năng di chuyển.

Câu hỏi 22. A. Bằng cách áp dụng công nghệ, các thành phố có thể trở nên hiệu quả và bền vững hơn.

B. Các thành phố nên tập trung thu hút doanh nghiệp và ngành công nghiệp.

C. Đô thị hóa là điều tất yếu và cần được chấp nhận.

D. Các thành phố nên ưu tiên tăng trưởng kinh tế hơn là tính bền vững của môi trường.

Read the following passage about artificial intelligence and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

Artificial intelligence (AI) refers to the simulation of human intelligence in machines that are programmed to think and learn like humans. AI has become an **integral** part of modern technology, impacting various sectors such as healthcare, finance, education, and transportation. By analyzing vast amounts of data, AI systems can identify patterns, make decisions, and even predict future outcomes. These capabilities make AI a powerful tool for solving complex problems and improving efficiency.

One of the most significant applications of AI is in healthcare. AI algorithms can analyze medical data to assist in diagnosing diseases, recommending treatments, and predicting patient outcomes. This can lead to more accurate diagnoses and personalized treatment

plans, ultimately improving patient care. Additionally, AI-powered robots can perform surgeries with precision and consistency, reducing the risk of human error.

In the financial sector, AI is used for fraud detection, risk management, and algorithmic trading. By analyzing transaction patterns and identifying **anomalies**, AI systems can detect fraudulent activities in real-time, protecting both consumers and financial institutions. AI also enables more effective risk management by predicting market trends and potential risks, allowing businesses to make informed decisions.

Education is another area **where** AI is making a significant impact. AI-powered educational tools can provide personalized learning experiences, adapting to the needs and learning styles of individual students. This can enhance student engagement and improve learning outcomes. Moreover, AI can automate administrative tasks, allowing educators to focus more on teaching and less on paperwork.

Despite its many benefits, AI also poses several challenges. Ethical concerns arise regarding data privacy, algorithmic bias, and the potential for job displacement. As AI systems become more prevalent, it is crucial to address these issues and ensure that AI is developed and implemented responsibly.

Question 23. Which of the following is NOT mentioned as a sector impacted by AI?

- A. Healthcare B. Finance C. Education **D. Agriculture**

Question 24. The word "**integral**" in paragraph 1 is closest in meaning to:

- A. unnecessary **B. essential** C. optional D. separate

Question 25. The word "**where**" in paragraph 2 refers to:

- A. medical data **B. education**
C. healthcare D. patient care

Question 26. The word "**anomalies**" in paragraph 3 could be best replaced by:

- A. errors** B. patterns C. transactions D. uncertainties

Question

27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. AI in education is limited to administrative tasks.
B. AI tools provide the same learning experience for all students.
C. Personalized learning with AI adapts to individual student needs.
D. AI in education does not affect student engagement.

Question 28. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. AI-powered robots are not used in surgeries.
B. AI can help detect fraudulent activities in real-time.
C. AI has no impact on risk management in finance.
D. AI is not beneficial in the education sector.

Question 29. In which paragraph does the writer mention ethical concerns related to AI?

- A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 4 **D. Paragraph 5**

Question 30. In which paragraph does the writer explore the impact of AI on healthcare?

- A. Paragraph 1 **B. Paragraph 2** C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Read the following passage about the benefits and limitations of renewable energy and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

[I] Renewable energy sources, such as solar, wind, and hydroelectric power, have gained global popularity as a sustainable alternative to fossil fuels. [II] Unlike coal and oil, renewable energy generates electricity without releasing harmful emissions, making **it** a cleaner option for the environment (Jacobson et al., 2017). [III] However, despite the

advantages of renewable energy, there are still notable challenges that need to be addressed for it to fully replace traditional energy sources (Ellabban et al., 2014). [IV] One major advantage of renewable energy is its sustainability. Renewable resources, unlike fossil fuels, are naturally replenished and do not deplete over time. For instance, solar power harnesses energy from sunlight, which is virtually endless. In addition, renewable energy contributes to reducing greenhouse gas emissions, which helps combat climate change. Many countries are increasingly investing in renewable technologies to decrease their carbon footprint and meet international climate goals.

However, renewable energy has certain limitations. One significant issue is its intermittent nature; for example, solar and wind power depend on weather conditions, making it difficult to generate a consistent power supply. This variability can disrupt the energy grid, which relies on a steady supply of electricity to meet demand. Another challenge is the high initial cost of setting up renewable energy facilities. Although prices have decreased in recent years, installing solar panels or wind turbines still requires substantial upfront investment (IRENA, 2019).

Despite these challenges, advancements in technology are gradually making renewable energy more efficient and accessible. Improved energy storage systems, such as batteries, allow excess power generated during favorable conditions to be stored and used later, ensuring a more reliable energy supply. As technology and infrastructure improve, renewable energy may eventually

Question 31. Where in paragraph I does the following sentence best fit?

These sources of energy have numerous environmental and economic benefits.

- A. [I] **B. [II]** C. [III] D. [IV]

Question 32. The phrase "virtually endless" in paragraph 2 could be best replaced by

- A. limited **B. infinite** C. renewable D. temporary

Question 33. The word "it" in paragraph 1 refers to _____.

- A. fossil fuels B. the environment **C. renewable energy** D. electricity

Question 34. According to paragraph 2, which of the following is NOT an advantage of renewable energy?

- A. Reducing greenhouse gas emissions B. Decreasing dependency on fossil fuels
C. Maintaining a steady energy supply D. Contributing to climate change goals

Question 35. Which of the following best summarizes paragraph 3?

- A. Renewable energy can fully replace fossil fuels without any major challenges.
B. Renewable energy is limited by inconsistent supply and high installation costs.
C. Renewable energy is currently too expensive to implement globally.
D. Renewable energy sources are reliable and cost-effective for all countries.

Question 36. The word "intermittent" in paragraph 3 is CLOSEST in meaning to _____.

- A. irregular** B. constant C. continuous D. beneficial

Question 37. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Renewable energy produces harmful emissions like fossil fuels.
B. Solar power is a reliable energy source regardless of weather conditions.
C. Renewable energy is increasingly viable thanks to technological advances.
D. Fossil fuels are a more sustainable energy source than renewable energy.

Question 38. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Technology makes it harder to store energy produced during unfavorable conditions.
- B. Technological improvements enhance the reliability and accessibility of renewable energy.
- C. Technological advancements increase the cost and complexity of renewable energy.
- D. Technology is not crucial for the global adoption of renewable energy.

Question 39. Which of the following can be inferred from the passage?

- A. Fossil fuels will remain the primary energy source indefinitely.
- B. Renewable energy is unlikely to become widely adopted due to its limitations.
- C. With better storage solutions, renewable energy could become a consistent power source.
- D. Renewable energy is currently more economical than fossil fuels for all applications.

Question 40. Which of the following best summarizes the passage?

- A. Renewable energy is a sustainable alternative to fossil fuels with benefits for the environment, though it faces challenges like inconsistency and setup costs.
- B. Renewable energy is replacing fossil fuels rapidly with no significant challenges.
- C. Renewable energy sources are only useful in certain climates where resources are available.
- D. The environmental impact of renewable energy is negligible, and it is readily available.

Đọc đoạn văn sau về trí tuệ nhân tạo và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời để chỉ ra câu trả lời tốt nhất cho mỗi câu hỏi sau từ 23 đến 30.

Trí tuệ nhân tạo (AI) là mô phỏng trí thông minh của con người trong các máy móc được lập trình để suy nghĩ và học hỏi như con người. AI đã trở thành một phần **không thể thiếu** của công nghệ hiện đại, tác động đến nhiều lĩnh vực như chăm sóc sức khỏe, tài chính, giáo dục và giao thông vận tải. Bằng cách phân tích lượng dữ liệu khổng lồ, các hệ thống AI có thể xác định các mẫu, đưa ra quyết định và thậm chí dự đoán kết quả trong tương lai. Những khả năng này biến AI thành một công cụ mạnh mẽ để giải quyết các vấn đề phức tạp và cải thiện hiệu quả.

Một trong những ứng dụng quan trọng nhất của AI là trong chăm sóc sức khỏe. Thuật toán AI có thể phân tích dữ liệu y tế để hỗ trợ chẩn đoán bệnh, đề xuất phương pháp điều trị và dự đoán kết quả của bệnh nhân. Điều này có thể dẫn đến chẩn đoán chính xác hơn và kế hoạch điều trị được cá nhân hóa, cuối cùng là cải thiện việc chăm sóc bệnh nhân. Ngoài ra, robot hỗ trợ AI có thể thực hiện phẫu thuật với độ chính xác và nhất quán, giảm nguy cơ lỗi của con người.

Trong lĩnh vực tài chính, AI được sử dụng để phát hiện gian lận, quản lý rủi ro và giao dịch thuật toán. Bằng cách phân tích các mô hình giao dịch và xác định **các điểm bất thường**, hệ thống AI có thể phát hiện các hoạt động gian lận theo thời gian thực, bảo vệ cả người tiêu dùng và các tổ chức tài chính. AI cũng cho phép quản lý rủi ro hiệu quả hơn bằng cách dự đoán xu hướng thị trường và rủi ro tiềm ẩn, cho phép các doanh nghiệp đưa ra quyết định sáng suốt.

Giáo dục là một lĩnh vực khác **mà** AI đang tạo ra tác động đáng kể. Các công cụ giáo dục hỗ trợ AI có thể cung cấp trải nghiệm học tập được cá nhân hóa, thích ứng với nhu cầu và phong cách học tập của từng học sinh. Điều này có thể tăng cường sự tham gia của học sinh và cải thiện kết quả học tập. Hơn nữa, AI có thể tự động hóa các nhiệm vụ hành chính, cho phép các nhà giáo dục tập trung nhiều hơn vào việc giảng dạy và ít hơn vào giấy tờ.

Mặc dù có nhiều lợi ích, AI cũng đặt ra một số thách thức. Các mối quan ngại về đạo đức nảy sinh liên quan đến quyền riêng tư dữ liệu, thiên vị thuật toán và khả năng thay thế việc làm. Khi các hệ thống AI trở nên phổ biến hơn, điều quan trọng là phải giải quyết các vấn đề này và đảm bảo rằng AI được phát triển và triển khai một cách có trách nhiệm.

Câu hỏi 23. Lĩnh vực nào sau đây KHÔNG được đề cập là chịu tác động của AI ?

- A. Y tế B. Tài chính C. Giáo dục **D. Nông nghiệp**

Câu hỏi 24. Từ "*integral*" ở đoạn 1 có nghĩa gần nhất với:

- A. không cần thiết **B. thiết yếu** C. tùy chọn D. riêng biệt

Câu 25. Từ "*where*" ở đoạn 2 đề cập đến:

- A. dữ liệu y tế **B. giáo dục**
C. chăm sóc sức khỏe D. chăm sóc bệnh nhân

Câu hỏi 26. Từ "*anomalies*" trong đoạn 3 có thể được thay thế tốt nhất bằng:

- A. lỗi** B. các mô hình C. các giao dịch D. sự không chắc chắn

Câu hỏi 27. Câu nào sau đây diễn giải đúng nhất câu gạch chân ở đoạn 4?

- A. AI trong giáo dục chỉ giới hạn ở các nhiệm vụ hành chính.
B. Công cụ AI cung cấp trải nghiệm học tập như nhau cho tất cả học sinh.
C. Học tập cá nhân hóa với AI có thể thích ứng với nhu cầu của từng học sinh.
D. AI trong giáo dục không ảnh hưởng đến sự tham gia của học sinh.

Câu hỏi 28. Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Robot sử dụng AI không được sử dụng trong phẫu thuật.
B. AI có thể giúp phát hiện các hoạt động gian lận theo thời gian thực.
C. AI không có tác động đến quản lý rủi ro trong tài chính.
D. AI không có lợi trong lĩnh vực giáo dục.

Câu hỏi 29. Đoạn văn nào tác giả đề cập đến những lo ngại về mặt đạo đức liên quan đến AI?

- A. Đoạn 1 B. Đoạn 2 C. Đoạn 4 **D. Đoạn 5**

Câu hỏi 30. Đoạn văn nào của tác giả đề cập đến tác động của AI đối với chăm sóc sức khỏe?

- A. Đoạn 1 **B. Đoạn 2** C. Đoạn 3 D. Đoạn 4

Đọc đoạn văn sau về những lợi ích và hạn chế của năng lượng tái tạo và đánh dấu chữ cái A, B, C hoặc D trên phiếu trả lời để chỉ ra câu trả lời tốt nhất cho mỗi câu hỏi sau từ 31 đến 40.

[I] Các nguồn năng lượng tái tạo, chẳng hạn như năng lượng mặt trời, gió và thủy điện, đã trở nên phổ biến trên toàn cầu như một giải pháp thay thế bền vững cho nhiên liệu hóa thạch. [II] Không giống như than và dầu, năng lượng tái tạo tạo ra điện mà không thải ra khí thải độc hại, khiến **nó** trở thành một lựa chọn sạch hơn cho môi trường (Jacobson và cộng sự, 2017). [III] Tuy nhiên, bất chấp những lợi thế của năng lượng tái tạo, vẫn còn những thách thức đáng kể cần được giải quyết để nó có thể thay thế hoàn toàn các nguồn năng lượng truyền thống (Ellabban và cộng sự, 2014). [IV]

Một lợi thế lớn của năng lượng tái tạo là tính bền vững của nó. Các nguồn tài nguyên tái tạo, không giống như nhiên liệu hóa thạch, được bổ sung tự nhiên và không cạn kiệt theo thời gian. Ví dụ, năng lượng mặt trời khai thác năng lượng từ ánh sáng mặt trời, **gần như vô tận**. Ngoài ra, năng lượng tái tạo góp phần giảm phát thải khí nhà kính, giúp chống lại biến đổi khí hậu. Nhiều quốc gia đang ngày càng đầu tư vào các công nghệ tái tạo để giảm lượng khí thải carbon và đáp ứng các mục tiêu khí hậu quốc tế.

Tuy nhiên, năng lượng tái tạo có một số hạn chế nhất định. Một vấn đề quan trọng là bản chất **không liên tục** của nó; ví dụ, năng lượng mặt trời và gió phụ thuộc vào điều kiện thời tiết, khiến việc tạo ra nguồn cung cấp điện ổn định trở nên khó khăn. Sự thay đổi này có thể làm gián đoạn lưới điện, vốn phụ thuộc vào nguồn cung cấp điện ổn định để đáp ứng nhu cầu. Một thách thức khác là chi phí ban đầu cao để thiết lập các cơ sở năng lượng tái tạo. Mặc dù giá đã giảm trong những năm gần đây, việc lắp đặt tấm pin mặt trời hoặc tua bin gió vẫn đòi hỏi khoản đầu tư ban đầu đáng kể (IRENA, 2019).

Bất chấp những thách thức này, những tiến bộ trong công nghệ đang dần làm cho năng lượng tái tạo trở nên hiệu quả và dễ tiếp cận hơn. Các hệ thống lưu trữ năng lượng được cải thiện, chẳng hạn như pin, cho phép năng lượng dư thừa được tạo ra trong điều kiện thuận lợi được lưu trữ và sử dụng sau đó, đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng đáng tin cậy hơn. Khi công nghệ và cơ sở hạ tầng được cải thiện, năng lượng tái tạo cuối cùng có thể

Câu hỏi 31. Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong đoạn I?

Những nguồn năng lượng này mang lại nhiều lợi ích về mặt môi trường và kinh tế.

A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Câu hỏi 32. Cụm từ "**hầu như vô tận**" ở đoạn 2 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

A. hữu hạn B. vô hạn C. tái tạo D. tạm thời

Câu hỏi 33. Từ "**ít**" ở đoạn 1 đề cập đến _____.

A. nhiên liệu hóa thạch B. môi trường C. năng lượng tái tạo D. điện

Câu hỏi 34. Theo đoạn 2, câu nào sau đây KHÔNG phải là lợi thế của năng lượng tái tạo?

A. Giảm phát thải khí nhà kính B. Giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch

C. Duy trì nguồn cung cấp năng lượng ổn định D. Góp phần vào mục tiêu biến đổi khí hậu

Câu hỏi 35. Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

A. Năng lượng tái tạo có thể thay thế hoàn toàn nhiên liệu hóa thạch mà không gặp bất kỳ thách thức lớn nào.

B. Năng lượng tái tạo bị hạn chế bởi nguồn cung không ổn định và chi phí lắp đặt cao.

C. Năng lượng tái tạo hiện quá đắt để triển khai trên toàn cầu. D. Các nguồn năng lượng tái tạo đáng tin cậy và tiết kiệm chi phí cho tất cả các quốc gia.

Câu hỏi 36. Từ "**intermittent**" ở đoạn 3 có nghĩa GẦN NHẤT với _____.

A. không đều B. hằng số C. liên tục D. có lợi

Câu hỏi 37. Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

A. Năng lượng tái tạo tạo ra khí thải độc hại như nhiên liệu hóa thạch.

B. Năng lượng mặt trời là nguồn năng lượng đáng tin cậy bất kể điều kiện thời tiết.

C. Năng lượng tái tạo ngày càng khả thi nhờ những tiến bộ công nghệ.

D. Nhiên liệu hóa thạch là nguồn năng lượng bền vững hơn năng lượng tái tạo.

Câu hỏi 38. Câu nào sau đây diễn giải đúng nhất câu được gạch chân ở đoạn 4?

A. Công nghệ làm cho việc lưu trữ năng lượng được tạo ra trong điều kiện bất lợi trở nên khó khăn hơn.

B. Những cải tiến về công nghệ nâng cao độ tin cậy và khả năng tiếp cận năng lượng tái tạo.

C. Những tiến bộ về công nghệ làm tăng chi phí và tính phức tạp của năng lượng tái tạo.

D. Công nghệ không phải là yếu tố quyết định đối với việc áp dụng năng lượng tái tạo trên toàn cầu.

Câu hỏi 39. Có thể suy ra điều nào sau đây từ đoạn văn?

- A. Nhiên liệu hóa thạch sẽ vẫn là nguồn năng lượng chính vô thời hạn.
B. Năng lượng tái tạo khó có thể được áp dụng rộng rãi do những hạn chế của nó.
C. Với các giải pháp lưu trữ tốt hơn, năng lượng tái tạo có thể trở thành nguồn năng lượng ổn định.
D. Năng lượng tái tạo hiện đang tiết kiệm hơn nhiên liệu hóa thạch cho mọi ứng dụng.

Câu hỏi 40. Câu nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn văn này?

- A. Năng lượng tái tạo là một giải pháp thay thế bền vững cho nhiên liệu hóa thạch, mang lại lợi ích cho môi trường, mặc dù nó phải đối mặt với những thách thức như sự không nhất quán và chi phí thiết lập.
B. Năng lượng tái tạo đang thay thế nhiên liệu hóa thạch một cách nhanh chóng mà không có thách thức đáng kể nào.
C. Các nguồn năng lượng tái tạo chỉ hữu ích ở một số vùng khí hậu nhất định nơi có sẵn tài nguyên.
D. Tác động môi trường của năng lượng tái tạo là không đáng kể và nó có sẵn.

-----HẾT-----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu.
- Giám thị không giải thích gì thêm.